

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/HS-ST
Ngày: 15-7-2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ron và ông Trần Ngọc Hoà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Lệ - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2026/TLST-HS ngày 03/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST-HS ngày 30/6/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thùy T**, giới tính: Nữ; sinh ngày 01/11/1999 tại tỉnh Gia Lai; CCCD số: 052199000269; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: **Trần T1** và bà: **Nguyễn Thị T2**; Chồng, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Bà **Nguyễn Thị Thùy T3**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: **Thôn P (nay là thôn T), xã T, tỉnh Gia Lai** (Có mặt).

- **Người làm chứng:** Bà **Phan Hương T4**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thùy T3 (Sinh năm: 1992; Trú: **P, T, Gia Lai**) và bị cáo **Trần Thị Thùy T** là bạn bè hàng xóm với nhau. Sáng ngày 21/01/2026, **Nguyễn Thị Thùy T3** điện thoại cho bị cáo **T3** xin ở nhờ phòng trọ số 102 của **T3** tại địa chỉ **A T, phường Q, tỉnh Gia Lai** một ngày. Khoảng 10 giờ cùng ngày, **Nguyễn Thị Thùy T3** đến phòng trọ, cất hành lý rồi đi tắm. Trước khi tắm, **T3** đã tháo một số món nữ trang trên người gồm: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 610 và 01 mặt dây chuyền; 01 nhẫn bằng vàng 610 và 01 cái vòng tay bằng vàng 610 để trên thành bồn rửa

mặt trong nhà tắm. Sau khi tắm xong, T3 đi thay đồ và quên mang cất số nữ trang đã tháo ra trước đó.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 22/01/2026, bị cáo T3 điều khiển xe máy chở Nguyễn Thị Thùy T3 ra bến xe buýt để đón xe về nhà rồi đi làm. Khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo làm xong quay về lại phòng trọ để nghỉ ngơi, khi đi vào nhà tắm thì phát hiện trên bờ thành bồn rửa mặt có một số đồ trang sức bằng vàng mà Nguyễn Thị Thùy T3 đã để quên. Do đang nợ nần nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số nữ trang trên để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo mang 01 sợi dây chuyền có mặt dây, 01 nhẫn đến tiệm V, địa chỉ số B - B L, phường Q, tỉnh Gia Lai bán được số tiền 43.180.000 đồng. Còn lại 01 chiếc vòng tay bị cáo mang về nhà mình tại xã B, tỉnh Gia Lai cất giấu. Số tiền bán trang sức bị cáo đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Nguyễn Thị Thùy T3 sau khi về tới nhà mình tại xã T, tỉnh Gia Lai thì phát hiện không có số trang sức nói trên và nhớ lại việc trước đó đã để quên tại nhà trọ của bị cáo T3. Khoảng 16 giờ ngày 22/01/2026, Nguyễn Thị Thùy T3 đón taxi xuống nhà trọ của bị cáo T3 lấy trang sức, đến nơi T3 tìm kiếm nhưng không có nên đã điện thoại cho bị cáo hỏi có thấy và lấy số trang sức T3 đã để quên hay không và yêu cầu trả lại nhưng bị cáo không thừa nhận nên Nguyễn Thị Thùy T3 đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Ngày 13/3/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường Q, tỉnh Gia Lai ban hành bản kết luận định giá số 06/KL-HĐĐGTS kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 610, kiểu dây: các khoen hình lục giác bằng vàng đan lại với nhau thành sợi (dạng xích) và 01 mặt dây chuyền hình vòng tròn, viền vòng tròn bằng vàng 610 bọc 01 sợi lông voi, ở giữa có 03 cánh, bằng vàng 610 (hình dạng giống logo hãng xe M), tổng trọng lượng của dây chuyền và mặt là 4 chỉ 5 phân 2,4 ly có trị giá là 47.000.000 đồng;

- 01 nhẫn bằng vàng 610, mặt nhẫn đính đá màu đen, trên mặt đá có miếng vàng hình tháp, trọng lượng khoảng 05 phân có trị giá là 5.200.000 đồng.

Ngày 24/3/2026, Phân Viện khoa học hình sự tại TP. có bản kết luận giám định số: 534/KL-KTHS kết luận: 01 vòng đeo tay bằng kim loại, màu vàng gửi giám định có kim loại vàng, hàm lượng vàng 61%, khối lượng 5,79 gam.

Ngày 05/5/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường Q, tỉnh Gia Lai ban hành bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS kết luận: 01 chiếc vòng tay bằng vàng 610, khối lượng 5,79 gam có trị giá là 4.550.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Trần Thị Thùy T đã chiếm đoạt là 56.750.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Thị Thùy T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tạm giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy T3 một chiếc vòng tay vàng. Đối với vật chứng là một sợi dây chuyền và 01 nhẫn bằng vàng, chủ tiệm V sau khi mua của Trần Thị Thùy T đã nung nóng chảy nên không thu hồi được.

Về phần dân sự: Bị cáo Trần Thị Thùy T đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thùy T3 số tiền 50.000.000 đồng, bị hại T3 không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSGLI-KV ngày 02/6/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai truy tố bị cáo Trần Thị Thùy T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Thị Thùy T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị Thùy T theo Cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thùy T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và những tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Vào ngày 22/01/2026, tại phòng trọ địa chỉ A T, phường Q, tỉnh Gia Lai, Trần Thị Thùy T đã có hành vi chiếm giữ trái phép tài sản là 01 sợi dây chuyền có gắn mặt dây bằng vàng 610, 01 nhẫn vàng 610, 01 vòng tay bằng vàng 610 của chị Nguyễn Thị Thùy T3 có tổng trị giá là 56.750.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên phải nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, không ai được xâm phạm, nhưng do tham lam, xem thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, bị cáo **Trần Thị Thùy T** có hành vi chiếm giữ trái phép tài sản có tổng trị giá là 56.750.000 đồng. Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai truy tố bị cáo **Trần Thị Thùy T** về tội: “Chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy:

4.1 Về nhân thân: Bị cáo **Trần Thị Thùy T** có nhân thân tốt.

4.2 Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Trần Thị Thùy T** không có tình tiết tăng nặng.

4.3 Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **Trần Thị Thùy T** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị cáo hiện đang là lao động chính nuôi cha bị khuyết tật và bà nội già yếu được chính quyền địa phương xác nhận đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được xem xét áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, trong suốt quá trình tại ngoại, bị cáo chấp hành tốt các yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, thể hiện việc bị cáo có khả năng tự cải tạo bản thân nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù có điều kiện, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo **Trần Thị Thùy T** đã bồi thường cho bị hại **Nguyễn Thị Thùy T3** số tiền 50.000.000 đồng, bị hại **T3** không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về vấn đề khác: Đối với chủ **tiệm V** là bà **Phan Hương T4** khi mua 01 sợi dây chuyền và 01 nhẫn vàng từ **Trần Thị Thùy T**, bà **T4** không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo trong khung hình

phạt đã truy tố và các phần đề nghị khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 176, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Thùy T** phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thùy T** 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/7/2026).

Giao bị cáo **Trần Thị Thùy T** cho **Ủy ban nhân dân xã B**, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Buộc bị cáo **Trần Thị Thùy T** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người TGGT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thanh

